

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 197x

Cư trú tại: Khu Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Trần Văn D, sinh năm 197x

Cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị ở riêng tại thôn L, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Sống chung được khoảng 04 tháng thì anh D vi phạm pháp luật, bị xử phạt tù 05 năm và chị L đã về nhà mẹ đẻ tại thôn D, xã V, huyện Đ, Thành phố H sinh sống đến nay. Đến tháng 03/2019 anh D chấp hành xong án phạt tù và muốn chị L về sống chung nhưng chị L xác định hai vợ chồng có thời gian tìm hiểu và sống chung với nhau quá ngắn, thời gian xa cách đã nhiều năm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống. Đến nay, chị L và anh D cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ gia đình nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị L và anh D đã sống ly thân nhiều năm. Việc thuận tình ly hôn của chị L và anh D là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 15/9/201x. Chị L và anh D thỏa thuận, sau khi ly hôn, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Diệu A đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị L và anh D thống nhất tự thỏa

thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị L và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về Tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D thỏa thuận để chị L chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Diệu A, sinh ngày 15/9/201x đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trần Văn D thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008383 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- UBND xã T, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 157, quyển số 01/2013 ngày 10/12/2013);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)